

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày: 24 - 4 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Lâm

2. Ông Phạm Văn Điềm

- Th- ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện L, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/HSST ngày 13/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy A - Sinh ngày 18/8/1989. Tên gọi khác: Không tại huyện F, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Xóm 5, thôn G, huyện H, huyện F, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy G và bà Lê Thị H; tiền sự: không, tiền án: Ngày 28/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 27 tháng tù về tội: *Trộm cắp tài sản* tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2016/HSST, ngày 17/6/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/12/2018, đến ngày 10/12/2018 chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bị hại: Ông Phạm Văn B - Sinh năm 1966. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn I, xã K, huyện L, tỉnh Thanh Hoá.

Người làm chứng: - Anh Phạm Văn C – Sinh năm 1999. Vắng mặt
Địa chỉ: Xóm 8, thôn M, xã H, huyện F, tỉnh Thanh Hoá.

- Anh Cao Thành D – Sinh năm 1995. Vắng mặt
Địa chỉ: SN 85 đường N, P. O, TP. P, tỉnh Thanh Hoá

- Anh Nguyễn Thọ E – Sinh năm 1996. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 10, xã **H**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 01/12/2018, Nguyễn Duy **A** trú tại thôn **G**, xã **H**, huyện **F** đi ô tô khách đến Bệnh viện đa khoa khu vực **L**, mục đích tìm tài sản để trộm cắp kiếm tiền tiêu xài, lúc này vào khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày **A** đến khu vực công trường của Bệnh viện đang xây dựng nhìn thấy có 02 đến 03 chiếc xe mô tô đang dựng dưới gốc cây không có người trông coi, **A** liền đi đến dắt chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius BKS 36N9 – 8053 của ông Phạm Văn **B** ở thôn **I**, xã **K**, huyện **L** đến gần khu vực dãy phòng hành chính đầu nổi dây để mở khóa điện, điều khiển xe đến địa phận xã Xuân Châu, huyện **F**, **A** dùng chìa khóa xa mô tô mang theo mở cốp xe lấy toàn bộ giấy tờ xe, giấy chứng minh nhân dân của ông Phạm Văn **B** bỏ vào túi, tháo vút hai chiếc gương chiếu hậu của xe, rồi điều khiển xe đến nhờ Phạm Văn **C** ở xóm 8, xã **H**, huyện **F** mang đi bán, nhưng không bán được. Sau đó nhờ Ngô Sỹ **Q** ở xóm **X**, xã **Y**, TP. **P** tiếp tục đem xe đi bán nhưng không được. Đến 18 giờ, **A** điều khiển xe chở bạn đi ăn cơm thì bị Công an xã **H**, huyện **F** bắt giữ chiếc xe để điều tra xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL – ĐGTS ngày 10/12/2018 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện **L**, kết luận tài sản có giá trị 6.000.000đồng. Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp và không yêu cầu bồi thường gì.

Về vật chứng: 01 chìa khóa xe mô tô là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện **L** để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 06/CT- VKSNL ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **L** truy tố bị cáo: Nguyễn Duy **A** về tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về căn cứ pháp luật và mức hình phạt: Viện kiểm sát nhân dân huyện **L** đề nghị xét xử đối với bị cáo như sau:

- Căn cứ pháp luật: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.
- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điểm a, c Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô.
- Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Người bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đại **C** Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, Tòa án có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại **C** Viện kiểm sát, quyết định xét

xử vụ án những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi: Khoảng 12 giờ 30 ngày 01/12/2018 Nguyễn Duy A đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 36N9 – 8053 của ông Phạm Văn B ở thôn I, xã K, huyện L rồi nhanh chóng tẩu thoát, tài sản có giá trị 6.000.000đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong vụ án.

Đại C Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại C Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: *Trộm cắp tài sản*, do ngày 28/7/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 27 tháng tù, áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Duy A có đủ các dấu hiệu cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] *Xét tính chất vụ án:* Bị cáo đang còn trẻ, có sức khỏe nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại và nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo đang có 01 tiền án về tội: “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích nay lại phạm tội cố ý cùng loại, thể hiện bị cáo không biết ăn năn hối cải, xem thường pháp luật, tính chất của vụ án nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an A, nên B phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa A.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Tuy nhiên khi lượng hình B áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo đã thành khẩn khai báo, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất của vụ án, thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là B thiết để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Dối với Phạm Văn C và Ngô Sỹ Q không biết chiếc xe mô tô mà bị cáo A nhờ cầm cố là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện L không đủ cơ sở để xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về phần bồi thường thiệt hại:* Theo báo cáo của những người bị hại: Tài sản bị bị cáo chiếm đoạt đã được nhận lại, không yêu cầu gì thêm, nên công nhận.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về vật chứng:* 01 chìa khóa xe mô tô mã số CHIAKHOA10/09, phần đuôi chìa khóa bằng nhựa, màu đen, phần thân chìa khóa bằng kim loại đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy

[8] *Về án phí HSST:* Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy A phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy A 30(Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 01/12/2018.

Về phần bồi thường thiệt hại: Công nhận người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015. Tịch thu và tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô mã số CHIAKHOA10/09, phần đuôi chìa khóa bằng nhựa, màu đen, phần thân chìa khóa bằng kim loại đã qua sử dụng.

(Hiện vật chứng trên đang đ-ợc l-u giữ tại Chi cục THA DS huyện L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2019, Phiếu nhập kho số NK 2019/010 ngày 12/3/2019).

Về án phí HSST: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000đ án án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận(hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- VKS ND huyện L;
- Chi cục THA DS huyện L;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm